

Số: **149/2023/QĐST-HNGĐ**

Mỏ Cày Nam, ngày 11 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 240/2023/TLST-VDS ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Ông **Lê Văn S**, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Ấp HT, xã TH, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Bà **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Ấp HT, xã TH, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản hòa giải ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre các đương sự đã thống nhất thuận tình ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và lệ phí ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị Nh thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị Nh thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị Nh thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị Nh thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị Nh, mỗi người phải nộp 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng ông S, bà Nh đã nộp theo biên lai số ***** ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCN nên không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b);
- VKSND huyện MCN ^(1b);
- Chi cục THADS huyện MCN ^(1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn ^(1b);
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b);
- Lưu HS, VP ^(3b). TC:9b.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Kim Sang